

Số: 76/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: Anh Lê Anh N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2024,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Anh N thuận tình ly hôn.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Anh N thống nhất vợ chồng có một con chung là Lê Đức N, sinh ngày 22/4/2017, hiện nay đang sống chung cùng anh N tại thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chị N và anh N thỏa thuận giao con Lê Đức N cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh N mỗi tháng 1.000.000 đồng, việc cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Anh N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Anh N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn, chị N phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo định kỳ; chị N thỏa thuận nộp thay án phí ly hôn cho anh N. Tổng cộng án phí chị N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 0003996, ngày 15/11/2024, chị N đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
  - VKSND huyện Quảng Ninh;
  - Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
  - TAND tỉnh Quảng Bình;
  - UBND xã Gia Ninh;
- (GCNKH số 53/2016 ngày 18/10/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Châu Mạnh Cường**